

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ST
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày 24-4-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Huy Đồi.
2. Ông Đinh Văn Triên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST tham gia phiên tòa: Ông Đồng Việt Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 05-4-2024, đối với các bị cáo:

Nguyễn Mạnh H (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 12 tháng 12 năm 1958, tại thành phố HN; nơi cư trú: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Mạnh H2 (chết) và bà Trịnh Thị L, sinh năm 1941; có vợ (vợ trước đã ly hôn và có 02 con chung, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1982) Trần Thị H1, sinh năm 1977, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1982 Bị UBND tỉnh HNN (nay là tỉnh ND) ra Quyết định đưa đi tập trung giáo dục cải tạo trong thời gian 03 năm vì có hành vi gây rối trật tự trị an xã hội. Chấp hành Quyết định tại Trại giam HN2, đến năm 1985 thì chấp hành xong. Năm 1988 Có hành vi trộm cắp tài sản (xe mô tô) bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Khánh Hòa) tuyên xử phạt 11 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”. Chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước (tỉnh Phú Yên), khi chấp hành án đến Tháng 9 năm 1990 thì trốn trại, đến tỉnh Bình Thuận sinh sống.

Đến năm 1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tuyên xử phạt 20 năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”; “Trộm cắp tài sản của công dân”; “Trốn khỏi nơi giam giữ”. Chấp hành án tại Trại giam Xuyên Mộc (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu). Đến ngày 15-01-2010 thì chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14-9-2023 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị H1, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1977, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Xơ Đăng (Ca Dong); giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông (*không xác định cha*), con bà Đinh Thị Đ, sinh năm (*không xác định*); có chồng (chồng trước có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1999) Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1958, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14-9-2023 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị X, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1969; trú tại: Buôn EK, xã EB, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Đinh Văn K, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1986; trú tại: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

2. Bà Đinh Thị Thu H, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1990; trú tại: Tổ dân phố CĐ, thị trấn DL, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Thế H3, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1959; trú tại: Thôn TL, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23-4-2019, Nguyễn Mạnh H cùng vợ là bà Trần Thị H1 bán một mảnh đất loại đất nông nghiệp tại vị trí khu dân cư HE, Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, có chiều ngang 09m, dài gần 30m; phía Đông giáp đường Đông Trường Sơn, phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971, trú tại Thôn HE, Sơn Mùa; phía Nam giáp đất ở của Huỳnh Thanh T, sinh năm 1978, trú tại Thôn HE, SM; phía Bắc giáp nhà bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1967, trú tại xã TM, huyện NTM, tỉnh Quảng Nam, cho vợ chồng ông Đinh Văn K, sinh năm 1986, trú tại Thôn HE, xã SM, huyện ST và bà Đinh Thị Thu H, sinh năm 1990, trú tại thị trấn DL, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, với giá 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), số tiền này vợ chồng ông K đã giao cho ông H, bà H1 và ông H, bà H1 đã nhận đầy đủ. Sau khi nhận tiền, vợ chồng Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông K. Tuy nhiên, một thời gian sau, chưa thấy ông K làm nhà trên mảnh đất này, do đang cần tiền tiêu xài cá nhân

nên ông H, bà H1 đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất tiếp tục bán mảnh đất trên cho bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969, trú tại xã EB, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk với giá 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) vào ngày 07-4-2022, bà Nguyễn Thị X đã đưa đủ số tiền trên cho vợ chồng H, H1. Khi gặp bà X để trao đổi bán đất, vợ chồng H, H1 tuy biết rõ mảnh đất này là của vợ chồng ông K nhưng vẫn nói với bà X rằng vợ chồng H, H1 là chủ của mảnh đất và mảnh đất là tài sản của gia đình hai người, không có ai tranh chấp, đồng thời còn hứa hẹn với bà X sau khi nhận tiền xong, sẽ làm thủ tục sang tên, chuyển nhượng đất và bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X trong vòng 45 ngày (đến ngày 17-5-2022). Việc mua bán đất có hợp đồng đặt cọc viết tay. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ tiền, vợ chồng Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 đã đi đến xã ĐH, huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông để sinh sống, bà X đã nhiều lần liên hệ nhưng không được. Đến ngày 17-5-2022, bà X nghe nói đất mà H, H1 bán cho bà X trước đó H, H1 đã bán cho người khác. Nghi ngờ vợ chồng H, H1 lừa đảo nhằm chiếm đoạt số tiền 90.000.000 đồng của mình nên đến ngày 03-7-2023, bà X đã đến trình báo sự việc cho Công an xã SM, huyện ST.

Sau khi tiếp nhận tố giác của bà Nguyễn Thị X, Công an xã SM đã kiểm tra, xác minh ban đầu, xác định có dấu hiệu tội phạm nên ngày 05-7-2023 Công an xã SM đã ra Phiếu chuyển số 01/CAX để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST tiếp nhận, thụ lý.

Qua làm việc, hai bị can H, H1 đã khai nhận hành vi lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 90.000.000 đồng của bà X, đồng thời xác định trong suốt quá trình trao đổi, mua, bán đất, viết giấy đặt cọc với bà X thì bị can H là người khởi xướng, trực tiếp đưa ra ý định và viết giấy đặt cọc, bị can H1 là người thống nhất với bị can H, tham gia cùng H ký tên xác nhận vào hợp đồng với bà X.

Ngày 22-9-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST có Yêu cầu số 50/YCĐG-CSĐT về việc yêu cầu định giá tài sản là mảnh đất Nguyễn Mạnh H và Trần Thị H1 sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị X.

Ngày 11-10-2023, Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện ST có Bản kết luận định giá tài sản số 20/HĐĐG xác định giá trị mảnh đất trên tại thời điểm tháng 4-2022 với giá bán là 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra, bị can Nguyễn Mạnh H chưa thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị can. Đối với bị can Trần Thị H1, trong quá trình điều tra bị can đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị can là người đồng bào dân tộc thiểu số, đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế. Vì vậy, bị can được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Các bị can không có tình tiết tăng nặng.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSST ngày 04-3-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị H1 từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Thị H1, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về phần dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 pH chịu trách nhiệm liên đới trả lại số tiền 90.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị X mà các bị cáo đã chiếm đoạt của bà X.

Ông Đinh Văn K, bà Đinh Thị Thu H yêu cầu được nhận lại thửa đất mà các bị cáo H, H1 đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông K theo đúng quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, xác minh, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện ST đã thu giữ: 01 (một) hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 07-4-2022, gồm 01 tờ, 02 trang, cuối trang có các bên tham gia ký vào hợp đồng, gồm ông Nguyễn Mạnh H, bà Trần Thị H1 (Bên A), bà Nguyễn Thị X (Bên B), bên C ký tên H2.

Sau khi thu thập sao y lưu hồ sơ vụ án, cơ quan Điều tra đã xử lý tài liệu đồ vật, trả lại cho bà Nguyễn Thị X nên không xem xét.

Các bị cáo Nguyễn Mạnh, Trần Thị H1 H không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Không ai có tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh

Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội* : Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 đều khai nhận: Ngày 23-4-2019, Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất, loại đất nông nghiệp tại Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, cho vợ chồng ông Đinh Văn K, bà Đinh Thị Thu H với giá 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), đất có chiều ngang 09m, dài gần 30m, phía Đông giáp đường Đông Trường Sơn; phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn T; phía Nam giáp đất ở của Huỳnh Thanh T; phía Bắc giáp nhà bà Nguyễn Thị Kim D. Vợ chồng ông K đã giao tiền cho các bị cáo H, H1 và các bị cáo H, H1 đã nhận đủ số tiền nêu trên. Sau khi nhận tiền, các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông K. Tuy nhiên, một thời gian sau, chưa thấy ông K làm nhà trên diện tích đất này nên ngày 07-4-2022 các bị cáo H, H1 đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất tiếp tục bán mảnh đất trên cho bà Nguyễn Thị X, với giá 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), bà Nguyễn Thị X đã đưa đủ số tiền cho các bị cáo H, H1. Sau khi nhận tiền xong, các bị cáo hứa sẽ làm thủ tục sang tên, chuyển nhượng đất và bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X trong vòng 45 ngày (đến ngày 17-5-2022).

Tuy nhiên, sau khi nhận đủ tiền, các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 đã đi đến xã ĐH, huyện ĐG, tỉnh Đăk Nông để sinh sống, bà X đã nhiều lần liên hệ nhưng không được.

Đến ngày 17-5-2022, bà X nghe nói đất mà các bị cáo H, H1 bán cho bà X trước đó các bị cáo đã bán cho người khác. Nghi ngờ các bị cáo H, H1 lừa đảo nhằm chiếm đoạt số tiền 90.000.000 đồng của mình nên đến ngày 03-7-2023, bà X đã đến trình báo sự việc cho Công an xã SM, huyện ST.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/HĐĐG, ngày 11-10-2023 của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tố tụng hình sự huyện ST, xác định giá trị mảnh đất trên tại thời điểm tháng 4-2022 với giá bán là 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng).

Lời khai của các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 đã thực hiện hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Đánh giá tính chất vụ án:* Khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, các bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

Riêng bị cáo Nguyễn Mạnh H là người chủ mưu, trực tiếp bàn bạc, lôi kéo bị cáo Trần Thị H1 cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, cần xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H với mức hình phạt nghiêm khắc, tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Thị H1 bị H lôi kéo, rủ rê cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền của bà X 90.000.000 đồng. Bị cáo Trần Thị H1 là đồng phạm trong việc phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy Khi quyết định hình phạt cần xem xét với mức hình phạt, tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] *Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ:*

+*Tình tiết tăng nặng:* Không có

+*Tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Thị H1 đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế. Bản thân bị cáo hiện nay thường xuyên bị ốm đau. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo H1, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là đồng phạm nhưng đóng vai trò ko đáng kể, bị H lôi kéo ký vào hợp đồng để tạo lòng tin cho bà X, bị cáo cũng không sử dụng số tiền đó vào mục đích cá nhân của mình nên không cần cách ly bị cáo với xã hội cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo hưởng án treo.

Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo chưa thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đồng thời bị cáo có nhân thân xấu nên không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:*

Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 pH trả lại số tiền 90.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị X mà các bị cáo đã chiếm đoạt là có căn cứ nên chấp nhận.

Ông Đinh Văn K, bà Đinh Thị Thu H yêu cầu được nhận lại thửa đất mà các bị cáo H, H1 đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông K theo đúng quy định của pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[6] *Ý kiến của những người tham gia phiên tòa:*

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với hành vi mà các bị cáo đã gây ra là phù hợp. Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt của từng bị cáo là khác nhau là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội nên chấp nhận.

- Bị hại bà Nguyễn Thị X yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho bà số tiền 90.000.000 đồng mà các bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phù hợp nên chấp nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời trong quá trình điều tra, truy tố cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Quá trình điều tra, xác minh, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện ST đã thu giữ: 01 (một) hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 07-4-2022, gồm 01 tờ, 02 trang, cuối trang có các bên tham gia ký vào hợp đồng, gồm ông Nguyễn Mạnh H, bà Trần Thị H1 (Bên A), bà Nguyễn Thị X (Bên B), bên C ký tên H2.

Sau khi thu thập sao y lưu hồ sơ vụ án, cơ quan Điều tra đã xử lý tài liệu đồ vật, trả lại cho bà Nguyễn Thị X là có căn cứ nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

[7] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 34 (ba mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14-9-2023.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H1 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử trách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-9-2023 đến ngày 24-4-2024).

Giao bị cáo Trần Thị H1 cho Ủy ban nhân dân xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử trách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Giao bị cáo Trần Thị H1 cho Ủy ban nhân dân xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi nơi bị cáo Trần Thị H1 cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử trách. Gia đình bị cáo Trần Thị H1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát và giáo dục bị cáo Trần Thị H1.

Trong thời gian thử trách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 4 Điều 328 bộ luật Tố tụng hình sự, Quyết định trả tự do cho bị cáo Trần Thị H1 tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 579; Điều 580, Điều 584, Điều 585, Điều 586 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị X.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Trần Thị H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện ST;
- QCCSĐT Công an huyện ST;
- Cơ quan THAHS huyện ST;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Q.Ngãi;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Ánh Tuyết